

Bản án số: 59/2022/HS-ST

Ngày: 20/09/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thắng; Bà Hà Thị Nở.

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Hoài Thu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hòa – Kiểm sát viên Trung cấp; giúp việc cho ông Nguyễn Xuân Hòa là ông Nguyễn Hữu Toàn - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 20 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2022/HSST, ngày 23 tháng 08 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **60/2022/QĐXXST –HS, ngày 06 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:**

Họ và tên: Vũ Thị B - Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1973; sinh tại: tỉnh L. Nơi thường trú: Khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh L; Nghề nghiệp: Tự do; Đoàn, Đảng: không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Bố đẻ: Vũ Văn Th - sinh năm: 1945; Con bà: Đinh Thị H – sinh năm 1946; Bị cáo có chồng: Nguyễn Thiên N - Sinh năm: 1971(đã ly hôn); Bị cáo có 03 con, con lớn nhất, sinh năm: 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/03/2022 đến ngày 25/03/2022, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tân A V - Sinh năm: 1992; Trú tại: bản S, xã T, huyện S, tỉnh L (Vắng mặt)

2. Bà Phạm Thị N- Sinh năm: 1968; Trú tại: Khu 2, thị trấn S, huyện S, tỉnh L (Vắng mặt).

3. Bà Lò Thị K - Sinh năm: 1983; Trú tại: bản P, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2019 đến đầu năm 2022, Vũ Thị B dùng tiền của Bình cho nhiều người vay với lãi suất cao, thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

Ngày 22/10/2019, Vũ Thị B cho Tần A V, sinh năm 1992; trú tại: Bản S, xã T, huyện S, tỉnh L, vay số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), B và V thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày. Sau khi thỏa thuận thống nhất, B thu trước 3.000.000 đồng tiền lãi, còn lại 27.000.000 đồng Bình đưa cho Tần A V. Từ ngày 22/10/2019 đến ngày 22/11/2019, V dùng tài khoản Ngân hàng của V chuyển vào tài khoản của B 5.000.000 đồng, sau đó V trực tiếp đem 25.000.000 đồng tiền mặt đến trả cho B, số tiền lãi còn thiếu B miễn cho V. Như vậy, Vũ Thị B đã cho Tần A V vay 30.000.000 đồng trong thời gian 32 ngày (*từ ngày 20/10/2019 đến 22/11/2019*) với lãi suất 114,06%/năm gấp 5,70 lần lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự và thu lợi được 3.000.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của Bộ luật dân sự, lãi suất B được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm, tương đương số tiền 526.027 đồng, số tiền Bình thu lợi bất chính khi cho Tần A V vay là 2.473.973 đồng (*3.000.000 đồng – 526.027 đồng*).

Ngày 02/02/2020, Vũ Thị B cho Tần A V vay số tiền 70.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 triệu/1, ngày và được B đồng ý, thỏa thuận thống nhất xong, B thu luôn tiền lãi 10.500.000 đồng, B đưa cho V 59.500.000 đồng tiền mặt, đồng thời viết giấy vay nợ 70.000.000 đồng. Từ khi vay đến ngày 17/02/2021, Tần A V đã 14 lần chuyển tiền vào tài khoản của Vũ Thị B để trả lãi với tổng số tiền 88.150.000 đồng. Từ ngày 18/02/2021 trở về sau này B không tính lãi, mà chỉ yêu cầu Tần A V thanh toán tiền lãi còn thiếu theo thỏa thuận đến ngày 17/02/2021 và số tiền gốc là 70.000.000 đồng. Như vậy, từ ngày 02/02/2020 đến 17/02/2021, Vũ Thị B cho Tần A V vay 70.000.000 đồng trong thời hạn là 382 ngày với lãi suất là 182,50%/năm gấp 9,13 lần so với lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự để thu 133.700.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật, thì lãi suất khi cho vay không quá 20%/năm, tương đương số tiền 14.652.055 đồng, số tiền lãi Vũ Thị B thu lợi bất chính là 133.700.000 đồng – 14.652.055 đồng = 119.047.945 đồng. Thực tế B đã thu 98.650.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi theo quy định B được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm, tương đương 14.652.055 đồng, số tiền thu lợi bất chính thực tế Bình đã nhận được của Tần A V là 83.997.945 đồng.

Tiếp đó, đến ngày 07/4/2021, Tần A V tiếp tục đến gặp Vũ Thị B đặt vấn đề vay số tiền 120.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng, được B đồng ý cho vay với lãi suất thỏa thuận là 20.000.000 đồng/tháng, V phải thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (mang tên Chèo Lai Ph) và 01 Quyết định về việc tuyển dụng công chức cấp xã của V (bản phô tô chứng thực). Sau khi thỏa thuận, thống nhất, viết giấy vay tiền theo yêu cầu của B với số tiền 140.000.000 đồng (B cộng luôn số tiền lãi 20.000.000 đồng), rồi đưa cho V số tiền 120.000.000 đồng cho V vay. Sau khi hết hạn 01 tháng V chưa trả được tiền gốc và lãi, nên B miễn không thu khoản tiền lãi từ tháng thứ hai trở về sau, mà chỉ

đòi tiền gốc 120.000.000 đồng và lãi 20.000.000 đồng theo thỏa thuận, tổng 140.000.000 đồng. Như vậy, lần cho vay này, Vũ Thị B đã cho Tần A Vãi vay số tiền 120.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày với lãi suất là 202,78%/năm, gấp 10,14 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định Bộ luật dân sự thì lãi suất cho vay B được hưởng không quá 20%/năm, tương đương với số tiền **1.972.603 đồng**, nên số tiền Vũ Thị B thu lợi bất chính là 20.000.000 đồng – 1.972.063 đồng = **18.027.397 đồng**. **Khoản tiền gốc và lãi này Bình chưa thu được của Tần A V.**

Ngày 11/5/2020, Vũ Thị B cho Phạm Thị N, sinh năm 1968, trú tại khu 2, thị trấn S, huyện S, tỉnh L vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất là 4.000.000 đồng/tháng (tương đương 6.666,65đ/1.000.000/ngày, chị N phải để lại chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Như T để tín chấp). Sau khi thỏa thuận, thống nhất, viết giấy vay tiền với số tiền là 20.000.000 đồng, B đưa cho bà N 16.000.000 đồng và thu trước 4.000.000 đồng tiền lãi của tháng đầu tiên. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 01/2022, bà Phạm Thị N đều trả đầy đủ tiền lãi cho B theo thỏa thuận, tương đương 19 tháng x 4.000.000 đồng/tháng = 76.000.000 đồng. Đến ngày 12/2/2022 chị N chuyển khoản trả cho B 2.500.000 đồng tiền lãi, tiền lãi còn thiếu và lãi tháng 3/2022 do chưa có tiền trả nên bà N xin khất nợ, thì được B đồng ý, nhưng B chưa kịp thu thì bị bắt giữ. Vậy, Vũ Thị B đã cho bà Phạm Thị N vay 20.000.000 đồng, trong thời gian vay 375 ngày (từ ngày 11/5/2020 đến 16/3/2022) với lãi suất là 243,33%/năm gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, thu lợi 89.999.775 đồng tiền lãi, theo quy định của Bộ luật dân sự, lãi suất B được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm, tương đương số tiền 7.397.260 đồng, số tiền B thu lợi bất chính khi cho bà N vay lãi là 89.999.775 đồng - **7.397.260 đồng** = 82.603.515 đồng. Thực tế B đã thu được của bà N là 82.500.000 đồng tiền lãi, lãi suất 20%/năm tương đương số tiền **7.397.260 đồng, số tiền thu lợi bất chính, B đã thu của bà Phạm Thị N là 75.102.740 đồng.**

Ngày 20/7/2021, Vũ Thị B cho Lò Thị K, sinh năm 1983; trú tại bản Pa L, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đ vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Từ khi vay tiền đến ngày 24/11/2021, Lò Thị K đã 04 lần chuyển tiền lãi vào tài khoản của Vũ Thị B với số tiền 10.800.000 đồng, đồng thời đến ngày 24/11/2021, chị K đã chuyển trả vào tài khoản của Vũ Thị B số gốc 30.000.000 đồng, số tiền lãi còn thiếu theo thỏa thuận bà K xin và được B đồng ý miễn. Vậy, Vũ Thị B đã cho Lò Thị K vay 30.000.000 đồng trong thời gian 128 ngày (từ 20/7/2021 đến 24/11/2021) với lãi suất 102,66%/năm gấp 5,13 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu được 10.800.000 đồng tiền lãi. **Theo quy định của Bộ luật dân sự thì lãi suất B được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm, tương đương số tiền 2.104.110 đồng, nên số tiền lãi bất chính B thu được khi cho bà K vay là 8.695.890 đồng (10.800.000 đồng - 2.104.110 đồng).**

Toàn bộ những khoản tiền lãi thực tế Vũ Thị B thu được từ Tần A V, Phạm Thị N, Lò Thị K, Vũ Thị B là đã chi tiêu hết.

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Thị B thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai và các tài liệu, chứng cứ hợp pháp có trong hồ sơ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tần A V, bà Phạm Thị N, bà Lò Thị K vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 54/CT-VKSLC-P1, ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát tỉnh Lai Châu đã truy tố đối với bị cáo Vũ Thị B về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Thị B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s, điểm t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo từ 6 tháng tù đến 9 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, buộc bị cáo phải chấp hành thời gian thử thách theo quy định pháp luật, giao bị cáo cho UBND thị trấn Sin Hồ, quản lý, giám sát, giáo dục.

Về hình phạt bổ sung, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, phạt tiền đối với bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bà Phạm Thị N 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị N và 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Như T. Trả lại cho ông Tần A V 01 quyết định về việc tuyển dụng công chức cấp xã mang tên Tần A V (bản phô tô sao y) và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Chèo Lai Ph, số BL 100524.

Buộc bị cáo Vũ Thị B trả lại cho Tần A V, Phạm Thị N, Lò Thị K số tiền thu lợi bất chính.

Truy thu sung công quỹ Nhà nước đối với bị cáo Vũ Thị B tổng số tiền gốc cho vay đã thu và số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm Vũ Thị B đã thu. Tiếp tục phong tỏa tài khoản của Vũ Thị B để đảm bảo thi hành án, Khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo Vũ Thị B nộp ngày 19/09/2022, buộc bị cáo phải thi hành phần còn lại.

Truy thu sung công quỹ Nhà nước đối với Tần A V tổng số tiền gốc vay của Vũ Thị B, Tần A V chưa trả. Truy thu đối với bà Phạm Thị N số tiền gốc Phạm Thị N vay Vũ Thị B, Phạm Thị N chưa trả.

Về án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Sau khi nghe luận tội và đề nghị của kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, bị cáo nhất trí luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên, không có ý kiến

tranh luận, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Lời nói sau cùng của bị cáo, do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên đã vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo cơ hội sửa chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu và Điều tra viên, Kiểm sát viên được phân công điều tra, truy tố, trong quá trình thực hiện đã tuân thủ đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Vì mục đích vụ lợi, trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến đầu năm 2022, Vũ Thị B đã dùng số tiền 270.000.000 đồng của B cho 03 người vay, với lãi suất cao, vượt quá trên 05 lần lãi suất quy định của Bộ Luật dân sự (20%/năm), nhằm thu lợi bất chính số tiền 230.847.720 đồng. Thực tế Vũ Thị B đã nhận được 170.270.548 đồng, số tiền còn lại B chưa thu được là do nguyên nhân ngoài ý muốn, cụ thể: Ngày 20/10/2019 đến ngày 22/11/2019, Bình cho Tần A V vay 30.000.000 đồng, B thu 3.000.000 đồng tiền lãi tương ứng với lãi suất 114,06%/năm, gấp 5,70 lần lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự, B đã thu lợi bất chính được 2.473.973 đồng. Từ ngày 02/02/2020 đến ngày 17/02/2021, B cho Tần A V Vay số tiền 70.000.000 đồng, B thu 98.650.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 182,50% /năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, B đã thu lợi bất chính được 83.997.945 đồng. Ngày 07/4/2021, Vũ Thị B cho Tần A V vay số tiền 120.000.000 đồng với lãi suất 20.000.000 đồng/tháng, tương đương 202,78%/năm, gấp 10,14 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (số tiền lãi này B chưa thu được). Ngày 15/5/2020 đến ngày 16/3/2022, Vũ Thị B cho chị Phạm Thị N vay số tiền 20.000.000 đồng, B thu 82.603.515 tương ứng với lãi suất 243,33%/năm, gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, B đã thu lợi bất chính được 75.102.740 đồng. Ngày 20/7/2021 đến ngày 24/11/2021 Vũ Thị B cho Lò Thị K vay số tiền 30.000.000 đồng, Bình thu được 10.800.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 102,66%/năm, gấp 5,13 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, B đã thu lợi bất chính được 8.695.890 đồng.

Như vậy, hành vi cho vay lãi bằng tiền của Vũ Thị B đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng số: 54/CT – VKS LC – P1, ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu truy tố đối với Vũ Thị B về tội "*Cho vay lãi*

nặng trong giao dịch dân sự”” theo quy định khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tài chính ngân hàng của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì vụ lợi nên bị cáo vẫn thực hiện, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân, bị cáo Vũ Thị B từ nhỏ được bố mẹ nuôi ăn học hết lớp 7/12, lớn lên xây dựng gia đình lấy chồng và có 03 người con, trong quá trình chung sống, do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên bị cáo đã ly hôn với chồng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo chưa có tiền án tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, ngày 02/02/2020, bị cáo Vũ Thị B đã cho Tần A V vay số tiền 70.000.000 đồng thu lợi bất chính 83.997.945 đồng; ngày 11/5/2020 đến ngày 16/3/2022, Vũ Thị B cho Phạm Thị N vay 20.000.000 đồng, thu lợi bất chính 75.102.740 đồng. Như vậy bị cáo đã 02 lần thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng, đây là tình tiết tăng nặng “*phạm tội hai lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS cần được áp dụng đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, Bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan Điều tra trong việc phát hiện tội phạm được cơ quan điều tra ghi nhận theo Công văn số: 325 /CV-CSHS, ngày 14/9/2022; ngày 19/9/2022, Vũ Thị Bình đã chủ động tự nguyện nộp 10.000.000 đồng tại cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu; trong quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo đã tham gia phong trào thể thao của tỉnh, được chủ tịch Ủy Ban nhân dân tỉnh Lai Châu tặng Bằng khen theo Quyết định số 1858/QĐ-UBND, ngày 27/12/2013; bị cáo có bố đẻ là ông Vũ Văn Th là người có công với cách mạng, được Hội đồng Nhà nước tặng Hân chương kháng chiến hạng ba, ngày 19/9/2022, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, điểm t, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cần được áp dụng cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhân thân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo đang mắc bệnh tiểu đường hiện đang phải điều trị uống thuốc thường xuyên, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tuy bị cáo có tình tiết tăng nặng là “*phạm tội hai lần trở lên*”, nhưng những lần phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, việc áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là cần thiết. Tuy nhiên, để bị cáo có cơ hội, điều kiện tự cải tạo, sửa chữa bản thân trở thành người công dân có ích cho xã hội và thể hiện sự nhân đạo, linh hoạt, mềm dẻo về chính sách pháp luật của Nhà nước ta, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 BLHS xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 201 BLHS người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Xét thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung là cần thiết, Hội đồng xét xử cần xử phạt tiền đối với bị cáo, với mức phạt 40.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài những lần cho vay lãi nặng đối với Tần A V , Lò Thị K và Phạm Thị N, Vũ Thị B còn cho Lò Thị K vay với lãi suất 82,82%/năm; cho Chèo Mý N vay với lãi suất 73%/năm; cho anh Lê Ngọc T vay với lãi suất 7,03%/năm; cho anh Bùi Ngọc Ch vay với lãi suất 73%/năm; anh Đỗ Mạnh Q vay với lãi suất 73%/năm; nhiều lần cho anh Hoàng Văn D vay với lãi suất 36,5%/năm; cho anh Chèo Quẩy S vay với lãi suất với lãi suất 73%/năm; cho chị Ngô Thị Thảo nhiều lần vay với lãi suất 36,5%/năm và cho chị Trịnh thị Hồng H, chị Nguyễn Thị B, anh Vũ Thiện H; Vũ Văn Tr; Bùi Văn Ch không lấy lãi, do quen biết. Đối với những lần cho vay này, lãi suất cao nhất là 82,82%/năm, gấp 4,141 lần lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự, nên không đủ căn cứ để xử lý đối với Vũ Thị B về hành vi “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Ngoài ra, theo lời khai của Vũ Thị B, B còn cho Hoàng Tuấn Kh; trú tại: Th, huyện Đ, tỉnh Điện B vay với lãi suất cao, quá trình điều tra xác minh tại xã Th, huyện Đ, tỉnh Đ không có tên Hoàng Tuấn Kh đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại xã Th, huyện Đ, tỉnh Đ, nên không có căn cứ xử lý đối với hành vi này. Đối với Vũ Trung K, sinh năm 1988, trú tại C17, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đ là người đã ký xác nhận vào giấy vay nợ Tần A V và Vũ Tiến H sinh năm 1985, trú tại bản P, xã Thanh Ch, huyện Đ, tỉnh Điện B là người ký vào giấy cho anh Bùi Văn Ch vay tiền, nhưng anh K, anh H không biết, không tham gia vào thỏa thuận và cho vay tiền, nên không có căn cứ xử lý đối với K và H.

Đối với Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; trú tại Khu 5 thị trấn S, huyện S, tỉnh L là người cho Chèo Mý N vay với lãi suất cao, cơ quan Điều tra đã tách ra để điều tra xử lý bằng một vụ việc khác, nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 chứng minh nhân dân số 045173056 mang tên Phạm Thị N và 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Như T, đây là giấy tờ của chị Phạm Thị N đem đến để tín chấp cần phải trả lại cho chị Phạm Thị N. Đối với 01 Quyết định tuyển dụng công chức cấp xã (bản phô tô sao y) mang tên Tần A V và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Chèo Lai Ph, đây là giấy tờ của Tần A V đem đến để thế chấp cần phải trả lại cho Tần A V.

Đối với số tiền gốc 60.000.000 đồng (*bao gồm 30.000.000 đồng anh Tần A V vay trả ngày 22/11/2019 và 30.000.000 đồng chị Lò Thị K vay trả ngày 24/11/2021*), đây là tiền bị cáo Vũ Thị B dùng vào việc phạm tội cần phải truy thu đối với bị cáo Vũ Thị B để sung công quỹ Nhà nước. Đối với số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm bị cáo Vũ Thị B đã thu là 24.679.452 đồng (*trong đó thu của Tần A V là 15.178.082 đồng, thu của Phạm Thị N là 7.397.260 đồng, thu của Lò Thị K là 2.104.110 đồng*), đây là tiền do phạm tội mà có cần phải truy thu đối với bị cáo Vũ Thị B để sung công quỹ Nhà nước. Tổng cộng truy thu sung công quỹ Nhà nước đối với Vũ Thị B 84. 679.452 đồng (*bao gồm 60.000.000 đồng tiền gốc và*

24.679.452 đồng tiền lãi), khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng tiền của bị cáo Vũ Thị B tự nguyện nộp, theo biên lai thu tiền ngày 19/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, số tiền còn lại bị cáo phải thi hành tiếp là 74.679.452 đồng. Tiếp tục phong tỏa số tài khoản của Vũ Thị B tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền gốc gồm 70.000.000 đồng + 120.000.000 đồng = 190.000.000 đồng ông Tần A V vay chưa trả cho bị cáo Vũ Thị B và số tiền gốc 20.000.000 đồng bà Phạm Thị N vay của bị cáo Vũ Thị B hiện chưa trả, đây là tiền của Vũ Thị B dùng vào việc phạm tội, cần phải truy thu đối với ông Tần A V và bà Phạm Thị N để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền bị cáo Vũ Thị B thu lợi bất chính là 170.270.548 đồng, trong đó thu của ông Tần A V là 86.471.918 đồng (2.473.973 + 83.997.945 đồng), thu của bà Phạm Thị N là 75.102.740 đồng, thu của bà Lò Thị K là 8.695.890 đồng, buộc bị cáo Vũ Thị B phải hoàn trả lại cho ông Tần A V, bà Phạm Thị N và bà Lò Thị K.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị với cơ quan Điều tra Lai Châu, tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định pháp luật đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; trú tại: khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh L, theo đơn tố giác của chị Chèo Mỹ N.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 47; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Thị B phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*". Xử phạt bị cáo **07** (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy Ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh L quản lý, giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo Vũ Thị B thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều

92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với bị cáo Vũ Thị B số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng và các vấn đề liên quan:

- Trả lại cho ông Tần A V gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Chèo Lai Ph, số BL 100524 và 01 Quyết định tuyển dụng công chức xã mang tên Tần A V (bản phô tô sao y).

- Trả lại cho bà Phạm Thị N gồm: 01 chứng minh nhân dân số 045173056 mang tên Phạm Thị N và 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Như T.

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang được thu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu theo biên bản giao nhận giữa Công an tỉnh Lai Châu và Cục thi hành án tỉnh Lai Châu vào hồi 13 giờ 30 phút, ngày 25/8/2022.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước đối với Vũ Thị B số tiền 84. 679.452 đồng (*tám mươi tư triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng*), khấu vào trừ số tiền 10.000.000 đồng tiền của bị cáo Vũ Thị B tự nguyện nộp, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000893, ngày 19/9/2022 của Cục Thi hành án hình sự tỉnh Lai Châu, số tiền còn lại bị cáo Vũ Thị B phải thi hành tiếp là 74.679.452 đồng. Tiếp tục phong tỏa số tài khoản 7803205005490, của bị cáo Vũ Thị B mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Lai Châu với số tiền 45.323.733 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước của ông Tần A V số tiền 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng), tiền gốc vay của Vũ Thị B, Tần A V vay chưa trả.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) của bà Phạm Thị N, tiền gốc vay của Vũ Thị B, Phạm Thị N chưa trả.

Buộc bị cáo Vũ Thị B trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Trả cho ông Tần A V số tiền 86.471.918 đồng (*Tám mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi một nghìn, chín trăm mười tám đồng*); Trả cho bà Phạm Thị N số tiền 75.102.740 đồng (*Bảy mươi năm triệu một trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng*); Trả cho bà Lò Thị K số tiền 8.695.890 đồng (*Tám triệu, sáu trăm chín mươi năm nghìn, tám trăm chín mươi đồng*).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Vũ Thị B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt bị cáo; vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về

quyền, nghĩa vụ liên quan trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án, để xem xét theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND thị trấn S, huyện S; tỉnh L.
- Lưu HSVA; VT.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đỗ Mạnh Trang